

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/04/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD3+RP1+VSP02	7:25	20+0+0	0+0+0		6+0+0	0+0+0	CHUYEN 3 RP1-VSP02
2		TD3+CTK3+P2	7:25	19+0+0	0+0+0		17+3+0	0+0+0	CHUYEN 2 CTK3-P2
3		TD5	9:25	22	0		22	0	
4		TD3+MRM+PVD3	9:25	11+3+3	0+0+0		15+1+0	0+0+0	

③ ② ④

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: PVD3 - RP1 - VSP02	CREW: QViệt - MTHAO - NNam	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO XUAN VINH	PVD3	83	1	15	27	87	KHOAN	Vietnamese
2	NGO VAN CUONG	PVD3	92	1	19		68	KHOAN	Vietnamese
3	LE TRONG NGHIA	PVD3	79-80	2	16		83	KHOAN	Vietnamese
4	LE TUNG PHONG	PVD3	64-65	2	14		64	KHOAN	Vietnamese
5	VU THE DUNG	PVD3	61	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TRONG DOANH	PVD3	63	1	9		67	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN TAO	PVD3	81	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
8	DEMIN YURI	PVD3	60	1	9		95	KHOAN	Russian
9	PHAM THANH HAI	PVD3	56-57	2	17		70	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM VAN HUNG	PVD3	54-55	2	15		67	KHOAN	Vietnamese
11	LE CONG KHANH	PVD3	58-59	2	15		67	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN NGOC THANH DAN	PVD3	02,53	2	18		70	KHOAN	Vietnamese
13	BELIAEV	PVD3	01	1	10		82	KH-THAC	Russian
14	TRAN LE CHIEN	PVD3	90-91	2	16		82	KH-THAC	Vietnamese
15	HO NGOC BEN	PVD3	82	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HUU NAM	PVD3	89	1	8		50	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN LE DANG QUANG	PVD3	85	1	11		85	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN QUOC KHOI	PVD3	86	1	13	34	72	KH-THAC	Vietnamese
19	MULNHIUCHKIN.V	PVD3	62	1	13		92	DVL	Russian
20	NGUYEN VAN NAM	PVD3	84	1	13		75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD3	20	27	252	1.474	61	6		CHUYEN 3 PAX RP1->VSP02
2	RP1	0	0	0	0	0	0	3	
3	VSP02	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		20	27	252	1.474	61	6		
WEIGHT KG				252	1.474	61			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TD3 - CTK3 - P2	CREW: HUNG - VLinH - Huy	ETA: 09:15
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	OLEINIK I.A.	TD3	28	1	10		74	KHOAN	Russian
2	BUI QUANG NINH	TD3	32	1	8		67	YTE	Vietnamese
3	NGUYEN THANH HUNG	TD3	34	1	7		54	NHATHAU	Vietnamese
4	NGUYEN MINH TRUNG	TD3	35-36	2	20		74	NHATHAU	Vietnamese
5	TRAN HUU THO	TD3	37	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG PHAM NGOC VU	TD3	44	1	5		98	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM HUNG DUONG	TD3	38	1	4		98	KHOAN	Vietnamese
8	HUYNH AI HUU	TD3	33	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN MANH HUNG	TD3	42	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
10	LE ANH THOAI	TD3	40	1	7		89	KHOAN	Vietnamese
11	VU TIEN DUNG	TD3	31	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
12	VU LONG PHI	TD3	43	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM DUONG HAI	TD3	41	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
14	DUONG HOANG LONG	TD3	57	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
15	LE VAN NGHIA	TD3	80	1	15		68	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN SANG	TD3	29	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM THE QUANG	TD3	45	1	14		70	KH-THAC	Vietnamese
18	VO TRONG NHIEN	TD3	50	1	14		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN AN NINH	TD3	48	1	14		74	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN CAO	TD3	49	1	14		67	CO-DIEN	Vietnamese
21	TRAN CAO TUAN	TD3	46-47	2	20	85	68	CO-DIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	21	23	204	1.544	85	17		CHUYEN 2 PAX TU CTK3 SANG P2
2	CTK3	0	0	0	0	10	3	2	
3	P2	0	0	0	0	10	0		
TOTAL		21	23	204	1.544	105	20		
WEIGHT KG				204	1.544	105			

GRAND TOAL: 1.853 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 3	TO: TD5	CREW: QViệt - MTHAO - NNam	ETA: 11:10
xanh-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NHƯ Y	TD5					86		KHOAN
2	HỒ HOÀN KIEM	TD5	79	1	3		78		KHOAN
3	ĐÌNH VĂN SỰ	TD5					82		KHOAN
4	LÊ VĂN HIỂN	TD5	77	1	4		79		KHOAN
5	TRẦN DUY ĐỨC	TD5	72	1	5		78		KHOAN
6	NGUYỄN DUY KHANH	TD5					78		KHOAN
7	VŨ XUÂN ANH-PVD	TD5	78	1	5		63		KHOAN
8	PHẠM VĂN KHOAN-PVD	TD5	73	1	5		57		KHOAN
9	HOANG NHẬT QUANG	TD5	76	1	3		68		KHOAN
10	LÂM VĂN HẠNH	TD5	80	1	7		63		KHOAN
11	LÊ VIỆT THẮNG	TD5	74	1	5		68		KHOAN
12	TRẦN QUANG HÙNG	TD5	87	1	10		74		KHOAN
13	NGUYỄN LÂM GIANG	TD5	81	1	10		75		KHOAN
14	NGUYỄN TUẤN ANH	TD5	82	1	5		78		KHOAN
15	ĐỖ VĂN QUANG	TD5	89	1	9		85		KHOAN
16	LÊ HỮU HẬU	TD5	92	1	7		74		KHOAN
17	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD5	90-91	2	12		75		KHOAN
18	ĐỖ HOÀI THANH	TD5	83,85-86	3	20		72		DVL
19	NGUYỄN HỮU TRIẾT	TD5	88	1	9		63		DVL
20	LÊ THANH TỬ	TD5	84	1	8		73		DVL
21	ĐỖ THANH HẢI	TD5	75	1	7	100	68		DVL
22	NGUYỄN HẢI HOÀN	TD5	98	1	5		65		PSV

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	22	139	1.602	100	22		
	TOTAL	22	22	139	1.602	100	22		
	WEIGHT KG			139	1.602	100			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 4	TO: PVD3 - MRM - TD3	CREW: HUNG - VLinH - Huy	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN ĐĂNG TUÂN	PVD3	97	1	11		57	DVL	Vietnamese
2	TRUONG MINH KHANH	PVD3	98	1	12		70	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN THE HUNG	PVD3	96	1	10		83	T-TIN	Vietnamese
4	DONG KY ANH	MRM	96	1	15		78	SCHLUM	Vietnamese
5	NGUYEN VAN THONG	MRM	94-95	2	15		66	SCHLUM	Vietnamese
6	VU THAI THANH	TD3	67	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG GIANG LAM	TD3					79	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN DINH MUOI	TD3	61	1	6		77	PSV	Vietnamese
9	TRAN VAN LUC	TD3	70-71	2	20		95	PSV	Vietnamese
10	VU NGOC HUNG	TD3	60	1	6		60	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN VIET THANG	TD3	64	1	3		66	PSV	Vietnamese
12	HO SY THANH	TD3	66	1	5		56	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN TUAN	TD3	65	1	5		70	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN VAN LAP	TD3	58	1	3		65	PSV	Vietnamese
15	PHAN CHINH QUY	TD3	57	1	5		75	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG MINH	TD3	63	1	5		82	PSV	Vietnamese
17	HOANG HUU TRONG	TD3	59	1	9	22	68	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYEN DAI NGHIA	TD3	62	1	10		52	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD3	3	3	33	210	0	0		
2	MRM	2	3	30	144	0	6		
3	TD3	13	13	89	925	22	15		
TOTAL		18	19	152	1.279	22	21		
WEIGHT KG				152	1.279	22			

GRAND TOAL: 1.453 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN